

ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ, TÍNH CÁCH NGƯỜI MIỀN TÂY NAM BỘ QUA CA DAO, DÂN CA

Nguyễn Thị Quốc Minh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

TÓM TẮT

Tây Nam Bộ là vùng đất cuối cùng của Tổ quốc, được khai phá sau này nên còn non trẻ so với lịch sử hơn 4.000 năm của đất nước Việt Nam. Con người nơi đây mang những nét tâm lý và tính cách chung của dân tộc Việt Nam, đồng thời do hoàn cảnh tự nhiên, lịch sử, xã hội đặc thù nên người miền Tây Nam Bộ cũng mang những nét tâm lý, tính cách rất riêng biệt. Trong bài viết này, chúng tôi xin làm rõ “đặc điểm tâm lý, tính cách người miền Tây Nam bộ qua ca dao, dân ca”, tức là từ cứ liệu ca dao, dân ca Nam Bộ để tìm hiểu tâm lý, tính cách người miền Tây Nam Bộ.

Từ khóa: Đặc điểm tâm lý; Đặc điểm tính cách; Miền Tây Nam Bộ; Hội nhập và phát triển.

Ngày nhận bài: 5/8/2020; Ngày duyệt đăng bài: 25/4/2021.

1. Đặt vấn đề

Nam Bộ nói chung và vùng Tây Nam Bộ nói riêng là vùng đất mới, như đứa con được sinh sau đẻ muộn của Mẹ Việt Nam. Con người nơi đây có những điểm tương đồng về tâm lý và tính cách với các vùng miền anh em, tuy nhiên, cũng có nhiều nét tâm lý, tính cách rất đặc thù. Những nét riêng, đặc thù ấy đã được nhiều nhà nghiên cứu tìm hiểu, khám phá, phân tích... qua các công trình, bài viết, những ý kiến đề cập đến vùng đất, văn hóa Nam Bộ như Vương Hồng Sển (1960), Sơn Nam (1974), Ca Văn Thỉnh (1985), Trần Văn Giàu (1980), Trần Ngọc Thêm (2013)... Trong bài viết “Đặc điểm tâm lý, tính cách người miền Tây Nam bộ qua ca dao, dân ca”, chúng tôi đã dùng cứ liệu ca dao, dân ca Nam Bộ để làm rõ vấn đề vừa nêu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn tư liệu

Dữ liệu về ca dao, dân ca được tìm kiếm tại các tài liệu tổng hợp về ca dao, dân ca Nam Bộ. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng các sách sau làm tư liệu nghiên cứu: *Ca dao, dân ca Nam Kỳ Lục tỉnh* (Huỳnh Ngọc Trảng, 1998),

Văn học dân gian Đồng bằng Sông Cửu Long (Khoa Ngữ văn, Đại học Cần Thơ, 1997), các công trình sưu tập ca dao, dân ca của Khoa Văn (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) như: *Văn học dân gian Bạc Liêu*, *Văn học dân gian Sóc Trăng*, *Văn học dân gian Tiền Giang* v.v.

2.2. Phương pháp phân tích

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- *Phương pháp phân loại*: chúng tôi tìm nguồn là ca dao, dân ca Nam Bộ, sau đó chúng tôi phân loại ra những câu ca dao, dân ca nào trực tiếp liên quan đến nội dung về đặc điểm tâm lý, tính cách của người Tây Nam Bộ thì được dùng là ngữ liệu.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: chúng tôi sử dụng phương pháp này trong việc thu thập, xem xét, đánh giá, tổng hợp các nguồn tư liệu có liên quan đến bài viết, từ đó làm cơ sở nghiên cứu cho bài viết.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tinh thần thiện, hào phóng, bao dung

3.1.1. Sống thân thiện với tự nhiên, hòa hợp với sông nước

Địa hình miền Tây Nam Bộ chằng chịt sông ngòi, kênh rạch, bàu vũng, nên người dân ở vùng Tây Nam Bộ đã biết cách gắn bó và nương tựa vào sông nước để sinh sống. Dòng sông, bến nước, chiếc ghe, con đò, cây cầu, cá, tôm... đã trở thành hình ảnh hết sức thân thuộc và gần gũi trong ca dao, dân ca.

Những câu ca từ “miệt ngoài”: “Con sông bên lở bên bồi/Bên lở thì đục, bên bồi thì trong”, “Đường dài ngựa chạy biệt tăm/Người thương có nghĩa trăm năm cũng chờ” vào đến đây cũng được biến đổi thành sông nước, tôm cá: *Con sông bên lở bên bồi/Một con cá lội mấy người buông câu*. Hoặc: *Sông dài cá lội biệt tăm/Thấy anh người nghĩa mấy năm em cũng chờ*.

Trong cuộc sống, việc đi lại làm ăn, thăm hỏi cũng đều dựa vào sông nước. Nhiều câu ca dao đã thể hiện điều đó: *Ghe ai đò mũi xanh lườn/Phải ghe Long Hậu xuống vườn thăm em*. Hay như câu: *Ghe lui còn để dẫu dầm/Người yêu đâu mắt, chỗ nằm còn đây*. Chiếc ghe gắn với hình ảnh của cuộc sống thương hồ, nhiều người không có nhà hoặc không cất nhà mà họ sống trên ghe. Chiếc ghe không chỉ là nơi họ sinh sống mà còn là nơi chứa hàng hóa để họ mua bán, trao đổi hàng hóa. Cuộc mưu sinh vất vả, nhưng tình tương thân tương ái cũng hình thành từ đây: *Bim bịp kêu nước lớn anh ơi/Buôn bán không lời chèo chống mọi mê*. Hoặc: *Bờ chiếc ghe sau chèo mau anh đợi/Kèo khúc sông này bờ bụi tối tăm*.

Có rất nhiều các bài hát, điệu hò mang đậm đặc trưng của vùng sông nước như hò chèo ghe, hò mái dãi, mái cụt, hò sông Hậu, hò Đồng Tháp; các điệu lý liên quan đến đời sống sông nước, ruộng đồng như Lý mù u, Lý cây bần, Lý bông sen, Lý bông súng, Lý con nhái, Lý con cá lóc, Lý con cua, Lý con cúm nùm, Lý cái phăng, Lý qua cầu...

Tình yêu nam nữ thể hiện qua câu hò, điệu lý và đều gắn với sông nước, đồng quê: *Sông sâu cá lội ngừ ngừ/Biết em có đợi mà chờ uống công*. Hoặc: *Sông sâu biết bắc mấy cầu/Khi thương thì anh thương vợ/Khi sầu anh để lại cho em*. Khi hai người yêu nhau, hẹn hò nhau họ cũng lấy hình ảnh sông rạch, vàm ngọn đưa vào ca dao: *Anh ở ngoài vàm, anh có lòng mong đợi/Em ở trong ngọn, em có dạ đợi trông/Dương gian, âm phủ cũng cộng đồng/Sống sao thác vậy, anh vẫn một lòng với em*. Và những lời thề cũng gắn với sông nước, ghe xuồng, miếu đền ven sông. Và có lẽ đây là những câu ca dao độc đáo hiếm thấy ở các vùng miền khác: *Ghe lui khỏi vịnh, em thọ bệnh liền/Không tin anh hỏi xóm giềng mà coi*. Hoặc: *Chiếc thuyền kia nói có, chiếc ghe nọ nói không/Phải chi miếu ở gần sông/Em thề một tiếng kéo lòng anh nghi*.

3.1.2. Tinh hào phóng, bao dung

Thiên nhiên Đồng bằng Sông Cửu Long hội mới khai phá rất hoang sơ, đất rộng người thưa, nhưng thiên nhiên ưu đãi, ruộng đất phì nhiêu. Các câu ca dao gắn với từng địa phương còn cho thấy sự trù phú đó:

Xứ Đồng Nai thì gạo trắng nước trong.

Bến Tre thì có nhiều đặc sản nổi danh theo từng huyện: *Bến Tre giàu mía Mỏ Cày/Giàu nghèo Thạnh Phú, giàu xoài Cái Mơn/Bình Đại biển lúa sông tôm/Ba Tri ruộng muối, Giồng Trôm lúa vàng*.

Đồng Tháp thì đồng đất ngút tầm mắt, sông nước sản cá tôm, lúa trời không trồng mà có, những câu ca dao ở miệt Đồng Tháp đã ghi lại: *Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh/Nước Tháp Mười lấp lánh cá tôm*. Hoặc: *Ai ơi về miệt Tháp Mười/Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn*. Hay: *Muốn ăn bông súng mắm kho/Thì về Đồng Tháp ăn cho đã thèm*.

Ở An Giang thì *Bao phen quạ nói với diều/Cù lao ông Chương có nhiều cá tôm*.

Thiên nhiên ưu đãi thể nên tính cách con người cũng rộng rãi, hào phóng, hiếu khách. Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức (2006, tr. 184) đã ghi nhận: “Ở Gia Định, khi khách đến nhà, đầu tiên gia chủ bày trầu cau, sau dọn tiếp cơm bánh, thết đãi chu đáo, đầy đủ, không kể là người thân sơ, quen lạ, tông tích ở đâu, tất cả đều được đón nhận, tiếp đãi đàng hoàng”. Trong ca dao, dân ca cũng cho thấy người dân Nam Bộ không phải ăn bữa nay

lo bữa mai, họ nghĩ về cuộc sống rất dễ dàng. “Trời sinh voi sinh cỏ”, “Chim trời, cá nước ai bắt được nấy ăn”, ai sống ở đời đều có lộc trời cho: *Thiên sinh nhơn hà nhơn vô lộc/Địa sinh thảo hà thảo vô căn*⁽¹⁾ (Trời sinh người đều có lộc trời/Đất thì sinh cỏ rễ chồi nào không).

Đồng bằng Sông Cửu Long là nơi tụ hội của những người dân nghèo từ miền Trung, miền Bắc vào. Có khi họ đi từng đoàn theo chính sách khai khẩn, di dân của Vua Chúa họ Nguyễn, có khi đi một hai gia đình và cũng không thiếu gì người chỉ một thân một mình trốn tránh truy nã hay xích xiềng nơi đất cũ để tìm một phương trời mới làm nơi ẩn thân. Bài ca dao suu tầm ở Cà Mau cho thấy tình cảnh ấy: *Tôi ở Hòn Khoai về Hòn Đá Bạc/Tôi trương buồm chạy lạc, chạy tới Hòn Nhum*⁽²⁾/*Thấy ông lão tiều phu đón củi lum khum/Tôi hỏi ông lão, chứ nỡ nùng này tại ai?*. Điểm chung nhau giữa họ là những phận nghèo: *Chiều chiều vệt nước kêu chiều/Bâng khuâng nhớ hạc chín chiều ruột đau/Ruột đau ruột thắt gan teo/Vì phận tôi nghèo, tôi mới xuống đây*. Hay: *Cây khô xuống nước vẫn khô/Phận nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo*.

Từ những hoàn cảnh ấy, ở nơi cùng trời cuối đất đã tạo ra tâm lý yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Câu ca dưới đây người ta thường hay cá nhân hóa, lịch sử hóa thành câu chuyện lưu lạc của Chúa Nguyễn Ánh, nhưng có thể xuất phát chỉ là câu chuyện chung của những số phận chung ở nơi miền đất Lục tinh này: *Ròng châu ngoài Huế/Ngựa té Đồng Nai/Nước sông trong sao chảy lộn sông ngoài/Thương người xa xứ lạc loài đến đây*. Và người dân “đồng bằng Chín Rồng” mở rộng vòng tay đón mời người ở lại: *Đến đây thì ở lại đây/Bao giờ bén rễ xanh cây thì về*. Do điều kiện tự nhiên ở Đồng bằng Sông Cửu Long với sông ngòi, đồng nước nên đã hình thành nên sinh thái văn hóa và tính cách hòa hợp giữa con người với tự nhiên. Đó vừa là tính cách chung của cư dân văn hóa lúa nước, lại vừa có đặc điểm, sắc thái riêng của cư dân Nam Bộ. Tính cách thân thiện, bao dung cũng là tính cách chung của người Việt Nam, nhưng do điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử mà tính cách ấy đặc biệt nổi bật ở người dân Nam Bộ.

3.2. Tính cứng cỏi, trọng nghĩa khinh tài

3.2.1. Tính cách cứng cỏi

Đồng bằng Sông Cửu Long thiên nhiên trù phú, đất đai rộng rãi, phì nhiêu - đó là một mặt - nhưng mặt khác thiên nhiên thời mở đất cũng đầy gian nan, nguy hiểm. Sứ sách, truyện kể dân gian còn ghi lại nơi đây đất thấp, sơn lam chướng khí, bệnh tật nhiều, rừng rậm hoang vu, trên rừng thì trăn, rắn, hùm, beo, dưới sông thì cá sấu... tất cả còn rất xa lạ, như chực chờ cướp lấy mạng sống con người: *Tới đây xứ sở lạ lùng/Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng ghê*. Hoặc: *Chèo ghe sợ sấu cắn chum/Xuống sông sợ đĩa, lên rừng sợ ma*.

Đông Tháp Mười mùa khô thì nắng cháy da, mùa mưa thì ngập úng: *Tháp Mười nước mặn, đồng chua/Nửa mùa nắng cháy, nửa mùa nước dâng.* Đất Cà Mau với rừng ngập mặn, mù mịt “U u minh minh”, với cộp sấu: *Cà Mau khi khọt trên bung/Dưới sông sấu lội, trên rừng cộp um...* Đất đai chưa khai khẩn, muối và địa đã trở thành nỗi ám ảnh của người dân nhiều nơi. Có khi là xứ Cảnh Đền ở “miệt thứ” Kiên Giang (nay thuộc huyện Vĩnh Thuận): *Xứ đâu hơn xứ Cảnh Đền, Muối kêu như sáo thổi, Địa lội lênh như bánh canh.* Mà không riêng gì xứ Cảnh Đền, ở đâu cũng vậy: *Rừng thiêng nước độc thú bầy/Muối kêu như sáo thổi, địa lội đầy như bánh canh.* Hay vừa muối, địa, lại vừa rắn rết: *Muối kêu như sáo thổi/Địa lội như bánh canh/Cỏ mọc thành tinh/Rắn đồng biết gáy.*

Điều kiện tự nhiên như thế đã trui rèn (tôi luyện) cho người ta ý chí và nghị lực. Bắt đầu của trường chinh Nam tiến có khi chỉ bằng sự liều lĩnh: *Ra đi là sự đánh liều/Nắng mai không biết, mưa chiều không hay.* Rồi bỏ những cánh đồng hiền hòa và chật hẹp ở quê cũ, những lưu dân đến vùng đất mới. Trời cao biển rộng, núi cao sông dài trở thành môi trường thử thách nghị lực con người: *Lên non mới biết non cao/Xuống sông mới biết chỗ nào cạn sâu.* Hoặc: *Bể sâu con cá vẫy vùng/Trời cao muôn trượng, cánh chim hồng cao bay.* Từ đó tạo nên tính cách cứng cỏi, không chịu cúi đầu: *Trời sinh cây cứng lá dai/Gió lay mặc gió chiều ai không chiều.*

Kể cả trong tình yêu cũng vậy, hai câu ca này sưu tầm ở hai nơi, nhưng dường như là một cặp đôi sánh: chàng và nàng, cả hai đều cứng cỏi giữ lấy tình yêu của mình. Đây là người con trai: *Dao phay kẻ cổ, máu đổ không màng/Chết thì chịu chết, buông nàng anh không buông.* Còn đây là lời cô gái: *Cây khô chết đứng giữa trời/Chết thời chịu chết không quên lời anh than.*

Ý chí cứng cỏi ấy, trong đời sống cộng đồng có thể trở thành anh hùng - anh hùng gặp thời thì làm nên sự nghiệp, anh hùng lỡ vận thì ẩn thân rừng sâu núi thẳm: *Chim quỳên xuống đất ăn trùn/Anh hùng lỡ vận lên rừng đốt than.* Trong một không gian rộng lớn hơn, ý chí mạnh mẽ, tinh thần cứng cỏi ấy đã thể hiện trong hình ảnh người con trai chí lớn vào Nam ra Bắc phụng sự quê hương, xứ sở: *Làm trai cho đáng thân trai/Phủ Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng.*

3.2.2. Tinh thần trọng nghĩa khinh tài

Người miền Tây Nam Bộ sống giữa thiên nhiên trù phú, họ không quá coi trọng tiền tài, danh lợi. Cuộc sống dạy cho họ tiền tài dễ kiếm, nhưng tình nghĩa ở đời khó tìm hơn và quan trọng hơn. Tinh thần trọng nghĩa khinh tài được hình thành trong quá trình lịch sử, tới mức không chỉ đàn ông mà phụ nữ cũng như vậy. Trịnh Hoài Đức (2006, tr. 180) viết: “Gia Định ở về địa vị

Dương Minh, nhiều người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dầu phụ nữ cũng thế”.

Đọc ca dao, dân ca Lục tỉnh ta cũng thấy người dân rất đề cao tình nghĩa, liều mình giúp người trong cơn hoạn nạn: *Thùng thùng cắc cắc/Chim đậu không bắt, lại bắt chim bay/Dấn mình vô chốn chông gai/Kề lưng công bạn ra ngoài thoát thân...* Có lẽ vì trọng nghĩa, trọng tình, sống hết lòng với những người xung quanh nên họ căm ghét những ai phụ bạc, bỏ bạn, sống bạc nghĩa bạc tình: *Đứa nào được Tấn quên Tấn/Xuống sông sáu ních, lên bờ cọp tha.* “Tiền tài như phấn thổ/Nhân nghĩa tựa thiên kim” trong sách *Minh tâm bửu giám*, là câu nói cửa miệng không chỉ của những nhà nho biết đọc sách Thánh Hiền mà của cả những người bình dân từ thanh niên nam nữ đến ông già bà cả: *Tiền tài như phấn thổ/Nhân nghĩa tựa thiên kim/Đứt dây nên gổ mới chìm/Người bắt nhân bắt nghĩa kiếm tìm làm chi.*

Cuộc sống nơi đây lại được tiếp thêm sách vở của nhà nho, củng cố thêm cho người dân Lục tỉnh lối sống nghèo mà sạch còn hơn giàu mà ô trọc, bất nhân bất nghĩa, thanh bần như Tăng Tử, Tử Lộ hơn “giàu đôi bạn, sang đôi vợ” như Vương Khải, Thạch Sùng: *Anh tĩ phận anh/Thà ở lều tranh/Như thầy Tăng, thầy Lộ/Chớ không ham mộ/Của Vương Khải, Thạch Sùng/Đạo người giữ vẹn, bản cùng sá bao.* Đạo nghĩa vợ chồng cũng chịu thử thách mạnh mẽ trước sức mạnh tiền tài: *Ai chèo ghe bí qua sông/Đạo nghĩa vợ chồng nặng lắm ai ơi.* Vợ chồng chung thủy, có trước có sau, lúc giàu sang, khỏe mạnh thương yêu nhau, mà lúc nghèo khổ, bệnh hoạn cũng không rời bỏ nhau: *Lầu nào cao bằng lầu ông Chánh/Bánh nào trắng bằng bánh bò bông/Đạo nào thương bằng đạo vợ chồng/Dầu lâm cơn bệnh hoạn cũng bé bỏng nuôi nhau.*

Câu chuyện về Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga còn mãi là bài học sống động muôn đời của người dân Lục tỉnh. Truyện *Lục Vân Tiên* của cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu sinh ra từ tính cách “trọng nghĩa khinh tài” của người miền Tây Nam Bộ, đến lượt mình, nó lại củng cố, giữ gìn, vun bồi cho tính cách trọng nghĩa ấy ở mảnh đất này: *Đạo vợ chồng anh phải xét cho xa/Anh Vân Tiên mù mắt chị Nguyệt Nga còn chờ.* Hay: *Dù cho vợ Trang Tử kia còn lờ đạo thờ chồng⁽³⁾/Còn em giữ một dạ, một lòng như chị Nguyệt Nga.*

Những câu ca về lòng trọng nghĩa khinh tài, tình nghĩa vợ chồng thủy chung là một mảng chủ đề lớn trong ca dao, dân ca Nam Bộ: *Con chim nhỏ nhỏ/Cái lông nó đỏ/Cái mỏ nó vàng/Nó kêu người ở trong làng/Đừng ham lãnh lựa phụ phàng vải bô.*

3.3. Tính bộc trực, thẳng thắn

Người Tây Nam Bộ đi về phương Nam bỏ lại sau lưng mình rất nhiều nghi thức, lễ nghĩa, thứ bậc trên dưới của cả một quá khứ vừa tốt đẹp, mà cũng

không ít những ràng buộc, tể toái (phiền phức). Trời đất mới, cuộc sống mới, phải sống thật, đấu tranh thật, lao động thật mới có kết quả tốt đẹp. Những môi miếng, khéo léo, lượn lờ... đều không còn giá trị. Có phải chính điều kiện sống ấy đã hình thành nên tính cách bộc trực, thẳng thắn của người miền Tây? Hơn nữa việc giáo dục ở miền Tây Nam Bộ chưa được mở mang, văn chương chữ nghĩa, thi cử không phát triển như vùng đất cũ, vì thế tập tục kẻ sĩ không chuộng từ chương, đọc sách cốt hiểu nghĩa lý, nhà nông tính nết thật thà. Điều này đã được sử sách ngày xưa ghi nhận.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán nhà Nguyễn có viết: “Tục chuộng khí tiết, khinh tài trọng nghĩa. Sĩ phu ham đọc sách cốt yêu cầu cho hiểu rõ nghĩa lý, mà lại vụng nghề văn từ. Nông phu siêng năng khi khởi công gieo cấy, sau lại ít hay bón xới gì, cứ để tùy theo thiên thời đặng mát mà thôi. Bách công kỹ nghệ thô sơ, những đồ dùng tuy vụng về mà chắc bền, hay dùng đồ ngoại hóa... Dân thôn dã thì chất phác” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1973, tr. 67).

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (1998) viết: “Hai xứ Long Hồ và Sa Đéc là phong tục giống với trấn Phiên An, chỉ khác quen đi lại giao dịch với người Cao Miên nên phần nhiều thông hiểu tiếng nói. Ngoài ra thì người ta chuộng chất phác, chăm nghề ruộng vườn, người nào cũng có của cải, có tiếng là nơi giàu, đông” (tr. 150).

Ca dao, dân ca Nam Bộ cũng thể hiện tính cách bộc trực, thẳng thắn ấy của người dân miền Tây. Dưới đây chúng tôi chỉ khảo sát riêng những câu ca dao, dân ca về tình yêu đôi lứa, tình cảm vợ chồng - một lĩnh vực tinh tế nhất của tâm hồn con người và ngôn ngữ giao tiếp xã hội - để thấy được tính cách trên.

Khó khăn nhất trong tình yêu là chuyện ngõ lời. Trong ca dao Bắc Bộ, ta thấy đôi trai gái nông thôn mà ngõ lời với nhau cũng đầy hình ảnh, uyển ngữ: *Bây giờ mạn mới hỏi đào/Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?/Mạn hỏi thì đào xin thưa/Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào*. Nhưng người nông dân Nam Bộ thì “ngõ lời yêu” rất thẳng thắn, trực tiếp. Đây là lời người con gái, rất thẳng nhưng cũng đầy tình cảm và không hề kém duyên: *Anh có vợ chưa, phải thưa cho thiệt/Kéo sau này làm tội nghiệp thân em*. Người con trai cũng nói tương tự: *Bậu có chồng chưa, bậu thưa cho thiệt/Kéo qua làm tội nghiệp cho qua*. Hoặc: *Ngó lên mây bạc trời hồng/Thương em hỏi thiệt có chồng hay chưa?*.

Họ yêu nhau rất tinh tế, nhưng nói ra rất thẳng những điều mình thích: *Bới tóc cánh tiên, bỏ vòng lá liễu/Thấy miệng em cười trời biểu anh thương*. Hay: *Tóc ngang lưng vừa chùng em bới/Để chi dài bới rồi dạ anh*.

Người con trai đôi khi tinh nghịch nghĩ ra cách tỏ tình khá mạnh bạo, nhưng khá buồn cười: *Tui hun mình, dẫu mình có la làng/Thì tui la xóm hai làng la chung/Tui hun mình dẫu có làm hung/Nhơn cùng tắc biển tui chun xuống sà.* Sự thẳng thắn còn thể hiện ở những câu hỏi trong tình huống khó khăn: đôi trai gái còn đang lưỡng lự, chưa quyết định. Người con gái không úp mở mà hỏi rất thiệt tình: *Anh có thương em thì thương cho chắc/Có bỏ thì bỏ cho luôn/ Đừng làm theo thói ghe buôn/Nay đi mai ở thêm buồn dạ em.* Hoặc: *Cầu cao vắn yếu bước rung/Anh thương em thì thương đại, ngại ngần thì đừng thương.*

Tình yêu trong ca dao, dân ca Nam Bộ vô cùng phong phú. Người ta có bao cách thể hiện những cung bậc tình yêu khác nhau, nhưng điểm chung của các câu ca dao, dân ca đều khá bộc trực: *Gió đẩy đưa rau dứa quận quịu/Anh mắng thương nàng lựu địu xuống lên.* Hoặc: *Lụy xang xang đưa nàng xuống vịnh/Anh trở lộn về nhuộm bình tương tư.* Cũng không hiếm khi tình yêu rơi vào nghịch cảnh, người ta giận nhau, không đến được với nhau. Những bộc lộ tình cảm rất chân chất, dễ thương: *Bể sâu con cá vẫy vùng/Trời cao muôn trượng, cánh chim hồng bay cao.* Hay: *Nước chảy cho đá lăn tròn/Giận thì nói vậy chó bụng còn thương em.* Nghịch cảnh có khi là cha mẹ không đồng ý, khi ấy những người trẻ chỉ có lòng kiên trinh của mình, tình yêu mạnh hơn đòn roi, mạnh hơn cái chết. Đây là lời của người con gái: *Dao phay chín ngọn/Em bắt trọn có một mình/Chết em em chịu/Biểu buông mình, em hồng buông.* Còn đây là lời của người con trai: *Phụ mẫu đánh anh quật quạ quạ/Đem anh treo tại nhánh bần/Rủi đứt dây mà rút xuống/Anh cũng lặn mò kiếm em.* Tình yêu thật mãnh liệt, yêu hay là chết: *Chẳng thà lặn xuống giếng cái chũm/Chết ngủm rồi đời/Sống chi đây chịu chữ mồ cô/Loan xa phượng cách biết đừng ngòì với ai.* Đôi khi có những tình yêu kết thúc buồn, vì tình yêu không chấp nhận đối gian, lừa gạt: *Thấp đặng cá nhảy qua lò/Anh đừng xí gạt em chờ uống công.* Những khi ấy người ta phải mạnh dạn từ bỏ tình yêu: *Ruộng ai thì nấy đắp bờ/ Duyên ai nấy gặp đợi chờ uống công.* Hoặc: *Bần gie, bần liệt, diệc đau chờ mỗi/Anh với em duyên nợ hết rồi/Đi tìm chỗ khác đừng ngòì ké em.*

Ca dao, dân ca Nam Bộ về tình yêu, gia đình thật phong phú. Nó thể hiện rõ tính cách thẳng thắn, bộc trực của người dân vùng đất này. Chính nét bộc trực, thẳng thắn ấy rất gần với tính cách hiện đại mà người Việt Nam cần có.

3.4. Những nhược điểm trong tính cách người miền Tây Nam Bộ cần khắc phục: đôi khi đơn giản, thực dụng, thụ động

Đi tìm nhược điểm trong tính cách của người Nam Bộ là một đề tài thú vị, hấp dẫn. Trong các mục Phong tục chí, Nhân vật chí có khá nhiều nhận xét thẳng thắn về tâm lý, tính cách, phong tục của người dân Lục tỉnh trong đó có

không ít hạn chế. Từ cuối thế kỷ XIX, báo chí, văn học quốc ngữ xuất hiện, cùng với quá trình hiện đại hóa đất nước, công cuộc cải lương hương tục, thì việc chỉ ra những hạn chế về tính cách, phong tục của người Lục tỉnh khá rõ. Có thể dẫn ra đây một vài ví dụ từ các sách ấy:

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (1998) cho rằng phong tục xa hoa, ít lo tích trữ, mê tín dị đoan là những hạn chế trong tính cách Nam Bộ: “Thành Gia Định nước Việt Nam ta đất đai rộng, lương thực nhiều, không lo về đói rét, cho nên ít chứa sẵn, tục dân xa hóa, kẻ sĩ đua nhau tài giỏi. Người bốn phương ở lẫn nhau, mỗi nhà tự có tục riêng... Sùng Phật, tin đồng cốt, phần nhiều trọng thần đàn bà như bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động” (tr. 141 - 142).

Trần Chánh Chiêu - lãnh tụ phong trào Minh Tân ở Nam Bộ đầu thế kỷ XX thì viết trên báo *Lục tỉnh tân văn* rằng chơi bời lãng phí là điểm yếu trong tính cách Nam Bộ: “Hễ tới ngày ấy (Tết Âm lịch) ai ai cũng đốt pháo dựng nêu, treo bùa tứ tung ngũ hoành, đánh đáo đánh quẩn tới bảy bữa, rồi nào me nào lú, bào cào, xóc đĩa, tổ tôm đủ thứ. Thậm chí, có ông ăn Tết rồi thì bán nhà bán cửa, nợ réo trước nợ réo sau. Đã bản nhược lại đại đọa (lười biếng) vậy thì biết chừng nào mà giàu có như người ta đặng” (dẫn theo Vương Trí Nhàn, Trần Văn Chánh, 2019, tr. 103).

Lương Dũ Thúc (Lương Khắc Ninh), chủ bút báo *Nông-cổ mìn-đàm* - tuần báo kinh tế đầu tiên của nước ta - cũng có ý kiến tương tự, cho rằng không lo xa, dễ thỏa mãn là điểm yếu trong tính cách của người Nam Kỳ: “Tôi cho rằng người nước Nam ta khi túng thiếu thì lo lắng thở than, trong lúc đói, lo một hồi mà thôi, chứ lo thù không lo nữa” (dẫn theo Vương Trí Nhàn, Trần Văn Chánh, 2019, tr. 102).

Nhà văn Sơn Nam “rất ròng Nam Bộ” thì cho rằng: “Nồng nhiệt yêu nước, quá sốt sắng trước việc nghĩa là thái độ tốt, nhưng có thể đem lại vài hậu quả xấu: nguội lạnh khi việc lớn không thành, lừa rơm, làm không xong thì không muốn tiếp tục. Và quá chú trọng vào việc thực tế thì thường bỏ quên những kế hoạch có tính chiến lược, không vạch chương trình dài hạn, đụng đầu làm đó, không phân biệt chi tiết và đại cuộc” (Sơn Nam, 2005, tr. 205 - 206).

Qua các công trình nghiên cứu và tiểu thuyết của nhiều nhà văn Nam Bộ có thể thấy được những hạn chế trong tính cách người dân nơi đây. Bên cạnh những mặt ưu điểm đã nêu ở các phần trên, thì luôn có mặt trái của nó là nhược điểm: *Thứ nhất*, Bao dung, nhưng cũng dễ đơn giản, ba phải; *Thứ hai*, Trọng thực tiễn, trọng nghĩa nhưng cũng không ít người thực dụng thái quá, không biết nhìn xa; *Thứ ba*, Linh hoạt, thích cái mới, nhưng cũng khá bảo thủ và mê tín dị đoan.

Tuy nhiên, nhược điểm trong tính cách người miền Tây qua tài liệu quốc ngữ lại là một đề tài khác, vượt ra khỏi phạm vi bài viết này. Bài viết này tự giới hạn trong tư liệu ca dao, dân ca - mà ca dao, dân ca là tâm hồn người lao động được thăng hoa và chưng cất lên thành ngôn từ - vì vậy khó có thể tìm được những câu ca nói về nhược điểm trong tính cách người Nam Bộ.

4. Kết luận

Đặc điểm tâm lý, tính cách người miền Tây Nam Bộ qua ca dao, dân ca là một đề tài rộng lớn, nhưng thú vị. Ca dao, dân ca là tâm hồn người lao động, qua đó phản ánh lịch sử vùng đất này từ thời mở đất, những gian lao, vất vả trong cuộc sống của ông cha ta trong suốt cuộc mưu sinh và xây dựng, bảo vệ mảnh đất này. Đọc ca dao, dân ca chúng ta cũng có thể thấy một thế giới tâm hồn phong phú, những khía cạnh khác nhau của tâm lý, tính cách người Nam Bộ. Đó là cách sống thân thiện với tự nhiên, hòa hợp với sông nước; là tính cách hào phóng, bao dung; tính cách cứng cỏi, tinh thần trọng nghĩa khinh tài và tính bộc trực, thẳng thắn. Những tính cách ấy cũng là tính cách của người Việt Nam được tô đậm thêm, được thể hiện thêm sắc thái mới, làm phong phú hơn tâm hồn, tính cách của người Việt Nam.

Chú thích:

1. Thiên sinh nhơn...: Trời sinh người ai chẳng có lộc, Đất sinh cỏ cỏ nào chẳng có rễ đâu.
2. Hòn Khoai: hòn đảo cực Nam Tổ quốc, thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; Hòn Đá Bạc: thuộc huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Hòn Nhum: thuộc huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
3. Câu này nhắc truyện ngụ ngôn trong Nam hoa kinh về chuyện vợ Trang Tử sau khi chồng chết, mê trai, nghe lời trai lấy vỏ đập quan tài Trang Tử ra để lấy óc chữa bệnh cho trai.

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Hoài Đức (tái bản năm 1998). *Gia Định thành thông chí*. Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tinh dịch. NXB Giáo dục. Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trịnh Hoài Đức (tái bản năm 2006). *Gia Định thành thông chí* (tái bản lần thứ nhất). NXB Tổng hợp Đồng Nai.
3. Trần Văn Giàu (1980). *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. NXB Giáo dục. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Khoa Ngữ văn (1997). *Văn học dân gian Đồng bằng Sông Cửu Long*. NXB Giáo dục. Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Cần Thơ.

5. Khoa Ngữ văn/Văn học và Ngôn ngữ. *Văn học dân gian Bạc Liêu, Văn học dân gian Sóc Trăng, Văn học dân gian Tiền Giang* v.v. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
6. Sơn Nam (1974). *Cá tính của miền Nam*. Đông Phố xuất bản. Sài Gòn.
7. Vương Trí Nhàn, Trần Văn Chánh (biên soạn, 2019). *Người xưa cảnh tỉnh*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (1973). *Đại Nam nhất thống chí*. Lục tỉnh Nam Việt, Biên Hòa - Gia Định, Tu trai Nguyễn Trọng Tạo dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa tái bản, Sài Gòn.
9. Vương Hồng Sển (1960). *Sài Gòn năm xưa*. Tự do xuất bản. Sài Gòn.
10. Trần Ngọc Thêm (2013). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. NXB Văn hóa văn nghệ. Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Ca Văn Thỉnh (1985). *Hào khí Đồng Nai*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
12. Huỳnh Ngọc Trảng (1998). *Ca dao dân ca Nam Kỳ Lục tỉnh*. NXB Đồng Nai.